

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 479/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 8 – 2022

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Đinh Hoàng Việt

2/ Bà Trần Thị Thanh Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiếu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐHPT-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Kim H, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 451/5 THT, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Lê Hải Đ, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 451/5 THT, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2022 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Lê Hải Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 067, quyền số 01/90 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/1990.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống do ông Đ thiếu trách nhiệm, quan tâm tới gia đình và cảm xúc của vợ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống, giải tỏa áp lực tinh thần bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh T, sinh năm 1991 và Lê Đức T, sinh năm 1995. Đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đ trình bày: Cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, hai người sống chung một nhà, mỗi người ở phòng riêng khoảng 8 năm. Ông mong muốn bà H thay đổi yêu cầu ly hôn vì cả hai cũng đã lớn tuổi, chuẩn bị có cháu nội nên duy trì cuộc sống như hiện nay để con, cháu có cha mẹ, ông bà bên cạnh. Do vậy, ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Anh T, sinh năm 1991 và Lê Đức T, sinh năm 1995. Đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận ly hôn với bị đơn ông Lê Hải Đ.

Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H vì cuộc sống vợ chồng có thể thay đổi được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Kim H yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Lê Hải Đ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 067, quyền số 01/90 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/1990, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đào Thị Kim H và ông Lê Hải Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của bà H, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống. Ông Đ thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến những tâm tư nguyện vọng của bà trong suốt 30 năm sống chung. Bà cũng đã cố gắng sống vì gia đình, vì các con để duy trì cuộc hôn nhân này, tuy nhiên cuộc sống như hiện nay có nhiều áp lực về tinh thần khiến bà mệt mỏi và mong muốn được giải thoát. Cả hai đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng giữa hai người không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau nữa. Bà H yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà để bà được ổn định cuộc sống khi tuổi đã lớn.

Xét, lời trình bày của ông Đ, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, ông sẽ thay đổi nên ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của ông Đ và bà H cho thấy cuộc sống hôn nhân của hai người chỉ tồn tại trên danh nghĩa vợ chồng. Trong quá trình chung sống, ông Đ không nhận thấy những thay đổi về tâm tư, tình cảm của bà H, về cuộc sống trong gia đình dẫn đến những mâu thuẫn không thể hòa giải và cả hai đã tự ý sống ly thân trong 9 năm, mặc dù hai người vẫn sống chung một nhà. Như vậy, mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Đã thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Kim H được ly hôn với ông Lê Hải Đ.
- Về con chung: Đã thành niên.
- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND Phường 3, Q.11;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Lan**